TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 14/10/2019
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Dương Chiêu Hùng.
- ***Các Hội thẩm nhân dân:***

1/ Ông Nguyễn Quốc Vinh

2/ Bà Phạm Thị Hương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thanh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 105/2019/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 4 năm 2019, về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06/9/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lâm Trúc L, sinh năm 1993 (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 232, Khóm Vĩnh B, phường A, thị xã Vĩnh C, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Chị Cao Thị Đà R, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 146, Khóm Soài C, phường A, thị xã Vĩnh C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/4/2019 cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lâm Trúc L trình bày: Vào năm 2014 anh L và chị Cao Thị Đà R có tổ chức lễ cưới theo phong tục tục tập quán, đến năm 2015 có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thị xã Vĩnh C, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 285/2015, quyển số 02/2015. Sau cưới thì chị Ri về làm dâu bên nhà chồng, thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc, nhưng dần phát hiện cả hai không cùng quan điểm, không hợp tính tình nên thường xảy ra mâu thuẫn với nhau, đến năm 2016 chị R đã bỏ về nhà cha mẹ ruột của chị R sinh sống tại khóm Soài C, phường A, thị xã Vĩnh C và cũng từ thời gian đó hai người ly thân cho tới nay. Trong quá trình chung sống với nhau anh L và chị R có với nhau 01 đứa con chung Lâm Cao K (Nam), sinh ngày 18/11/2015, về tài sản chung và nợ chung không có.

Nay anh L nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, hạnh phúc hôn nhân tan vỡ không thể hàn gắn được do đó yêu cầu Tòa giải quyết cho anh L được ly hôn với chị R. Về con chung anh L yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Lâm Cao K đến tuổi trưởng thành vì từ năm 2016 chị R đã bỏ con cho tới nay và do anh L nuôi dưỡng, anh L không yêu cầu chị R phải cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung, nợ chung không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị R, nhưng chị R không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của anh L, đồng thời chị R cũng không đến tham gia phiên hòa giải cũng như tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành pháp luật của bị đơn chưa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự , đề nghị Tòa án chấp nhận cho anh Lâm được ly hôn với chị Ri, giao cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lâm Cao K, ghi nhận sự tự nguyện của anh L không yêu cầu chị R phải cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án đã tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho chị R, nhưng chị R vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt chị Ri.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Lâm Trúc L, nhận thấy anh L và chị R tự nguyện chung sống với nhau năm 2014, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường A, thị xã Vĩnh C, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 285/2015, quyển số 02/2015, ngày 31/12/2015. Quan hệ hôn nhân của anh L và chị R không vi phạm các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nhưng sau một thời gian chung sống, đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không còn hòa hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra mẫu thuẫn với nhau. Anh L nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, không còn tình cảm vợ chồng với chị R nên có nguyện vọng ly hôn. Anh L và chị R đã không còn chung sống với nhau từ năm 2016 đến nay. Hội đồng xét xử đã phân tích động viên anh L suy nghĩ lại, hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị R, nhưng anh L vẫn cương quyết xin được ly hôn, từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh L được ly hôn với chị R.

[3] Về con chung: Anh L trình bày có 01 con chung tên Lâm Cao K (nam), sinh ngày 18/11/2015 anh L yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị R phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy từ ngày anh L và chị R không còn chung sống với

nhau thì cháu Kỳ do anh L trực tiếp nuôi dưỡng và để đảm bảo cuộc sống của cháu K không bị xáo trộn, ảnh hưởng đến tâm sinh lý khi cha mẹ ly hôn với nhau. Do đó yêu cầu của anh L là phù hợp với điều kiện chăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên và phù hợp với quy định của Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Lâm Cao K (nam), sinh ngày 18/11/2015 cho anh Lâm Trúc L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên.

[4] Về tài sản chung: Anh L trình bày là không có, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh L trình bày nợ chung không có, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí sơ thẩm: Anh Lâm Trúc L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lâm Trúc L.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lâm Trúc L được ly hôn với chị Cao Thị Đà R.

- Về con chung: Giao con chung Lâm Cao K, sinh ngày 18/11/2015 (Nam) cho anh Lâm Trúc L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Chị Cao Thị Đà R không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Cao Thị Đà R được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Chị Cao Thị Đà R không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lâm Cao K của anh Lâm Trúc L thì anh L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom.

- Về tài sản chung: Anh L trình bày là không có, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Anh L trình bày nợ chung không có, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Anh Lâm Trúc L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền ứng án phí anh L đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai số 0007907, ngày 19/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, anh L đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.Chị Cao Thị Đà R không phải chịu án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Đương sự;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- UBND Phường A, TX Vĩnh C;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Dương Chiêu Hùng